

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HSST
Ngày 24 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**
Thẩm phán: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Mậu Thìn**
Ông **Trần Văn Đông**
Ông **Trần Nguyễn Trường Giang**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lâm Trần Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Thuận** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **HUỲNH THỊ N**, sinh năm 1988; tại tỉnh Sóc Trăng;

Tên gọi khác: Ng

Nơi cư trú: ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; *Nghề nghiệp:* Phiên dịch tiếng Trung Quốc; *Trình độ văn hóa (học vấn):* 08/12; *Dân tộc:* Hoa; *Giới tính:* Nữ; *Tôn giáo:* không; *Quốc tịch:* Việt Nam; con ông Huỳnh Văn E, sinh năm 1939 và bà Trần Mỹ P, sinh năm 1939; bị cáo có chồng tên Tăng Ghệt H, sinh năm 1987 (không đăng ký kết hôn); *Tiền án, tiền sự:* chưa có; *Bị cáo tại ngoại (có mặt).*

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Huỳnh Phước Hậu** là luật sư Công ty Luật TNHH MTV Huỳnh Phước Hậu thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị hại:*

1/ Bà **Bành Thị L**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khóm L, phường T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

2/ Anh **Hồ Diệp H**, sinh năm 1993; địa chỉ: Khóm L, phường T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt);

3/ Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1967; địa chỉ: Khóm L, phường T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Huang Chi H1**, sinh năm 1978; cư trú: Khóm L, phường T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; ông Huang Chi H1 ủy quyền cho ông Phan Văn H2 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022 (ông H2 có mặt);

- *Người phiên dịch:* **Lưu Tiểu Phi**, sinh năm 1985; địa chỉ: đường Cao Văn Lầu, Khóm 1, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp thành phố Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản L.T (viết tắt Công ty L.T), có trụ sở tại: Khóm L, Phường I, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 31/10/2018 do Phạm Thị Thu L1, sinh năm 1986 - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, Công ty L.T do ông Huang Chi H1, sinh năm 1978, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 313679784 là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động. Khoảng tháng 4/2019, Huỳnh Thị N được ông Huang Chi H1 nhận vào làm việc và phân công làm người phiên dịch cho ông H1 trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Ngoài ra, N còn được phân công lập báo cáo thu - chi tài chính hàng ngày, hàng tháng của Công ty L.T rồi gửi qua “mail” cho ông H1 quản lý. Trong thời gian làm việc tại Công ty L.T, do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, Huỳnh Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản do Bành Thị L quản lý

Trong quá trình hoạt động, Công ty L.T có mua bao bì, hóa chất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (viết tắt Công ty Đ.D) và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại M.H (viết tắt Công ty M.H). Ông H1 chỉ đạo thanh toán tiền mua bao bì, hóa chất ngay sau khi nhận hàng hoặc ngày hôm sau và giao cho Bành Thị L (thủ quỹ) trực tiếp thanh toán khoản tiền này. Tuy nhiên, do cần tiền sử dụng cá nhân nên Huỳnh Thị N nảy sinh ý định chiếm đoạt khoản tiền trả cho 02 Công ty trên. Từ ý định này, N lợi dụng vào việc là người phiên dịch cho ông H1 nên đã nói dối với ông H1 giao cho N trả tiền mua bao bì, hóa chất cho 02 Công ty trên và yêu cầu L đưa tiền để N thanh toán cho 02 công ty này, Tin là thật, L đã đưa tiền cho N. Sau khi nhận tiền, N không thanh toán cho Công ty Đ.D và M.H mà lấy tiền tiêu xài cá nhân rồi tự thỏa thuận với 02 Công ty trên sẽ thanh toán vào cuối tháng và được 02 Công ty đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019, Huỳnh Thị N đã nhận của Bành Thị L tổng số tiền 1.044.418.000đ để thanh toán tiền mua bao bì, hóa chất cho Công ty Đ.D và Công ty M.H nhưng N chỉ thanh toán 928.086.000đ (trong đó, thanh toán cho Công ty Đ.D 04 đợt tổng số tiền 828.186.000đ và thanh toán cho Công ty M.H

02 đợt tổng số tiền 99.900.000đ), còn lại 116.332.000đ, N chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Hồ Diệp H

Khoảng tháng 02/2020, ông Huang Chi H1 gặp ông Hồ Diệp H, sinh năm 1993, trú tại: Khóm L, phường T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tại nhà ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 (nhà cùng khóm, phường với ông H). Tại đây, ông H1 đồng ý bán đầu và vỏ tôm cho ông H và không thỏa thuận nội dung nào khác. Sau đó, thông qua sự giới thiệu của ông V, ông H liên lạc và thỏa thuận với Huỳnh Thị N thời hạn mua bán đầu, vỏ tôm là 01 năm (từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/3/2021) và số tiền đặt cọc 200.000.000đ. N báo cáo lại cho ông H1 nội dung thỏa thuận với ông H thì được ông H1 đồng ý nhưng ông H1 chỉ yêu cầu đặt cọc 100.000.000đ. Lúc này, N nhờ Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 (kế toán của Công ty L.T) soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền đặt cọc 100.000.000đ rồi chuyển file cho N bổ sung phần tiếng Trung Quốc vào hợp đồng. Sau đó, N trình ông H1 xem nội dung hợp đồng, ông H1 đồng ý. Tuy nhiên, do cần tiền tiêu xài cá nhân, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc của ông H. Do đó, Huỳnh Thị N tự ý sửa số tiền đặt cọc trong hợp đồng mua bán hàng hóa số: 01/2020 ngày 20/02/2020 từ 100.000.000đ thành 200.000.000đ rồi liên hệ ông H đến Công ty L.T ký. Cùng ngày, Ông H đến Công ty L.T ký hợp đồng mua bán hàng hóa và giao cho N số tiền đặt cọc 200.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, N đưa cho ông H1 100.000.000đ, còn lại 100.000.000đ, N chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn V

Sau khi chiếm đoạt tiền của Bành Thị L, N tiêu xài cá nhân nên không còn tiền thanh toán cho Công ty Đ.D và Công ty M.H. Đồng thời, Công ty Đ.D thường xuyên yêu cầu N thanh toán khoản tiền mua bao bì, hóa chất mà Công ty L.T còn nợ nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn V để thanh toán tiền mua bao bì, hóa chất của Công ty Đ.D. Vì vậy, ngày 04/3/2020, N sử dụng số thuê bao di động 0944.769.276 gọi điện cho ông V nói dối “*Anh ơi! Anh H kệt tiền, anh H mượn anh sáu trăm triệu để trả cho người ta*”. Tin là thật, ông V đồng ý và kêu N đến gặp Nguyễn Minh T (con ông V) nhận tiền. Cùng ngày, N đến nhà ông V gặp T nhận 600.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, N nhờ Bành Thị L cùng đi đến Ngân hàng Sacombank phòng giao dịch Hộ Phòng nộp số tiền 424.959.000đ vào tài khoản của ông Trương Thế T1 (Thủ quỹ Công ty Đ.D) để thanh toán nợ. N cất giấu 50.000.000đ tại nhà của mình tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; mua 01 xe máy hiệu Air Blade (đăng ký biển số 83V1-019.43) trị giá khoảng 60.000.000đ cho Tăng Ghệt H (chồng của N) đứng tên chủ sở hữu, số tiền còn lại N mang theo trong người để sử dụng.

Đến ngày 03/4/2020, do không thấy ông H1 trả tiền nên ông V gặp trực tiếp hỏi thì được biết ông H1 không có nhờ N hỏi mượn tiền của ông V. Sau đó, ông V gọi điện thoại cho N để hỏi về số tiền nêu trên thì N tiếp tục nói dối ông V hẹn chuyển hàng sau sẽ trả nợ cho ông V. Cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa ông V và N được ông V ghi âm lại. Đến ngày 04/4/2020, ông V cùng ông T đến Công

ty L.T gặp N hỏi về số tiền 600.000.000đ thì N thừa nhận đã nói dối với ông V để lấy tiền trả nợ cho Công ty Đ.D và tiêu xài cá nhân.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị N (Ng), phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) mức án từ 10 đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc bị cáo Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Bành Thị L số tiền 116.332.000 đồng; trả cho Nguyễn Văn V số tiền 301.630.000 đồng và trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản L.T 100.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đỏ - trắng là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu huỷ 01 thẻ sim mạng Vinaphone, trên thẻ sim có ghi số 898402000 và 10920038056 do không có giá trị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo N. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất cho bị cáo, để bị cáo sớm được đoàn tụ gia đình, là người công dân có ích cho xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Công ty L.T đã bồi thường cho ông H 100.000.000 đồng thay cho bị cáo N. Vì vậy, yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không khiếu nại

hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do muốn có tiền để chi xài cá nhân và trả nợ nên trong khoản thời gian từ tháng 6/2019 đến ngày 04/3/2020 bị cáo Huỳnh Thị N đã đưa ra thông tin gian dối làm cho Bành Thị L, Hồ Diệp H và Nguyễn Văn V tin tưởng, giao tiền cho bị cáo. Từ đó, bị cáo đã chiếm đoạt của Bành Thị L 116.332.000 đồng, của Hồ Diệp H 100.000.000 đồng và chiếm đoạt của Nguyễn Văn V số tiền 600.000.000 đồng. Xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo Huỳnh Thị N là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân trong việc thực hiện các giao dịch dân sự, đủ yếu tố, dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Mặt khác, tài sản bị cáo Huỳnh Thị N chiếm đoạt của bị hại lên đến 816.332.000 đồng. Do đó, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Huỳnh Thị Nhỏ đã gây nguy hại cho xã hội rất lớn nên cần phải được xử phạt nghiêm, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như thế mới có thể cải tạo, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật của bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại (bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn V tiền và tài sản trị giá bằng 298.370.000 đồng); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản L.T xác định: Công ty đã trả số tiền bị cáo N chiếm đoạt của ông Hồ Diệp H là 100.000.000 đồng nay yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền này; ông H xác định đã nhận tiền do Công ty L.T bồi thường thay cho bị cáo Huỳnh Thị N. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N đồng ý trả tiền theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền Công ty L.T, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của Bành Thị L, Nguyễn Văn V. Xét

đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo N với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Bành Thị L số tiền 116.332.000 đồng; trả cho Nguyễn Văn V 301.630.000 đồng và trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản L.T 100.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ - trắng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước; 01 sim mạng vinaphone, trên thẻ sim có ghi số 898402000 và 10920038056 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị N (Ng), phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) 09 (chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Thị N với các bị hại; đại diện theo ủy quyền của công ty L.T. Buộc bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) có nghĩa vụ phải trả cho Bành Thị L số tiền 116.332.000 đồng; trả cho Nguyễn Văn V số tiền 301.630.000 đồng và trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy sản L.T 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu phát mãi nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ - trắng; tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mạng vinaphone, trên thẻ sim có ghi số 898402000 và 10920038056.

(Vật chứng được quản lý tại Cục Thi hành án hình sự tỉnh Bạc Liêu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2021)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Huỳnh Thị N (Ng) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 24.718.000 đồng án phí dân sự có giá ghạch.

6. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSNDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu;
- CQCSĐT CA tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu.

Trần Quang Khang